

Số: 172/2020/QĐST-HNGĐ

T, ngày 17 tháng 11 năm 2020

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T, THÀNH PHỐ H

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 57, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí.

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc yêu cầu về hôn nhân và gia đình thụ lý số: 261/2020/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 10 năm 2020 giữa:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

Chị Lương Thị Minh K – sinh năm 1985;

Nơi cư trú: Thôn B, xã T, huyện T, Thành phố H

Anh Nguyễn Văn H – sinh năm 1983;

Nơi cư trú: Thôn B, xã T, huyện T, Thành phố H;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Lương Thị Minh K và anh Nguyễn Văn H tự nguyện kết hôn và có đăng ký kết hôn tại UBND xã P, huyện Q, tỉnh Hà Tây (nay là Thành phố H) ngày 30/3/2007. Quá trình chung sống vợ chồng luôn xảy ra mâu thuẫn kéo dài không thể hàn gắn được, cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc. Nay chị K và anh H đều xác định không thể đoàn tụ được nên yêu cầu Tòa án giải quyết công nhận thuận tình ly hôn.

[2]. Về con chung: Chị K và anh H có 03 con chung là: cháu Nguyễn Kim H1, sinh ngày 13/9/2007; cháu Nguyễn Bảo C, sinh ngày 02/02/2013; cháu Nguyễn Bảo Tr, sinh ngày 02/02/2013. Chị K, anh H thỏa thuận sau khi ly hôn giao anh H chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu H1 cho đến khi đủ 18 tuổi hoặc đến khi có quyết định thay đổi khác; chị K nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu C và cháu Tr đến khi cháu C và cháu Tr đủ 18 tuổi hoặc đến khi có quyết định thay đổi khác.

[3]. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị K, anh H không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung.

[4]. Về tài sản, công nợ chung: Chị K, anh H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Chị Lương Thị Minh K và anh Nguyễn Văn H thuận tình ly hôn.

- **Về con chung:** Chị K và anh H có 03 con chung là cháu Nguyễn Kim H1, sinh ngày 13/9/2007; cháu Nguyễn Bảo C, sinh ngày 02/02/2013; cháu Nguyễn Bảo Tr, sinh ngày 02/02/2013. Giao chị K được quyền trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu C và cháu Tr cho đến khi cháu C, cháu Tr đủ 18 tuổi hoặc khi có Quyết định khác của Tòa án; anh H được quyền trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu H1 cho đến khi cháu H1 đủ 18 tuổi hoặc khi có Quyết định khác của Tòa án.

Chị K, anh H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

- **Về cấp dưỡng nuôi con:** Chị K, anh H tự nguyện không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung. Tạm hoãn việc cấp dưỡng, nuôi con chung cho chị K, anh H đến khi có quyết định thay đổi khác.

- **Về tài sản chung, nợ chung:** Chị K và anh H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

3. Về lệ phí: Chị K, anh H mỗi người phải chịu 150.000đ (một trăm năm mươi nghìn đồng) lệ phí ly hôn sơ thẩm, trừ vào số tiền 150.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số: AB/2016/0011686 ngày 20/10/2020 và Biên lai số AB/2016/0011687 ngày 20/10/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, thành phố H.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND thành phố H;
- VKSND, THADS huyện T;
- UBND xã P, Q;;
- Các đương sự;
- Lưu HS vụ án.

THẨM PHÁN

Nguyễn Thị Thu Thủy